TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 527/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Lê văn Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị H có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 16/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị với anh Đ chung sống vợ chồng năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 30/11/2016.

Sau khi cưới nhau đến năm 2020 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt, có nhiều bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Anh Đ không đi làm để kiếm tiền lo gia đình, thường xuyên đi nhậu say, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có cải thiện. Anh Đ còn sống không chung thủy. Hiện tại vợ chồng không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia

đình. Nay chị xác định không thể sống chung với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn, không thể có được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Lê Huy L, sinh ngày 09/01/2016, hiện do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn xin vắng mặt. Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh Đ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ chung sống vợ chồng năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 30/11/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh Đ là hợp pháp. Chị H xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn, không thể có được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Nhưng anh Đ cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị H, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị hà có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh Đ có một người con chung tên Lê Huy L, sinh ngày 09/01/2016.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H thấy rằng: Cháu L hiện do chị H nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, cháu L có nguyện vọng sống với chị H khi cha mẹ ly hôn. Hơn nữa, anh Đ cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi dưỡng cháu L của chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu L, nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung, anh Đ không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn với anh Lê Văn Đ1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Huy L, sinh ngày 09/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0018159 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị H đã thi hành xong án phí.

4. Chị H, anh Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức